

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 01- 03-2024

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Ngọc Thành

2. Bà Bùi Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Ngân- Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 03 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 373/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16/01/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2024/QĐST-HNGĐ ngày 01/2/2024, Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 02/2024/TB-TA giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1985; xin vắng mặt

Địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh Phạm Đức Đ, sinh năm 1985; vắng mặt

Địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Người làm chứng: Bà Lê Thị Th, sinh năm 1966; vắng mặt

Địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn trình bày: Chị và anh Phạm Đức Đ trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương ngày 03/2/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh Đ không chăm lo cuộc sống gia đình. Vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm nay, trong thời gian ly thân vợ

chồng không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh Đ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có 01 con chung là Phạm Đức M, sinh ngày 06/03/2010, hiện con đang ở cùng anh Đ. Khi ly hôn chị có quan điểm giao con cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng. Chị cấp dưỡng tiền nuôi con là 1.000.000đ/tháng cho anh Đ.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình hai bên: Chị xác định chị và anh Đ không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà đã nhiều lần tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định pháp luật nhưng anh Đ không đến Tòa án làm việc. Bà Th (mẹ đẻ anh Đ) có lời khai trình bày anh Đ đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh bận đi làm không đến Tòa án làm việc, anh xác định về điều kiện, thời gian đăng ký kết hôn đúng như chị H đã khai. Anh có quan điểm: Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, xung đột. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm, chị H làm đơn xin ly hôn anh đề nghị giải quyết theo quy định và đề nghị xin vắng mặt tại Tòa án vì anh bận công việc. Về con chung: Anh xác định có 01 con chung như chị H khai, hiện con đang ở cùng anh. Khi ly hôn, anh nuôi con theo nguyện vọng của con. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gia đình hai bên: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết. Ngoài ra anh Đ không đề nghị giải quyết nội dung nào khác.

Tài liệu xác minh tại địa phương: Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng anh chị không hòa hợp với nhau trong cuộc sống, không có sự quan tâm, chia sẻ với nhau. Vợ chồng đã ly thân vài năm nay. Nay chị H xin ly hôn anh Đ, quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 39 BLDS; Điều 51, 55, 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39, 227, Điều 228, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Đức Đ ly hôn. Về con chung: Giao cháu Phạm Đức M, sinh ngày 06/03/2010 cho anh Đ nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con của chị H là 1.000.000đ/tháng. Chị H có quyền

thăm nom con không bị cản trở. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn không đề nghị hòa giải, xin vắng mặt tại phiên họp hòa giải và xin xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, hợp pháp nhiều lần. Vì vậy, HĐXX xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị H, anh Đ tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Đ nhiều lần nhưng anh Đ không đến Tòa án làm việc.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H, ý kiến của anh Đ (thông qua gia đình), các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy: Sau ngày cưới, chị H anh Đ sống hạnh phúc khoảng 01 năm thì đã nảy sinh mâu thuẫn; nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ việc vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng không có sự quan tâm chăm lo cho cuộc sống gia đình. Thực tế vợ chồng đã ly thân khoảng 06 năm nay, không ai quan tâm đến ai. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án, gia đình anh Đ đã thông báo cho anh Đ biết, nhưng anh Đ không tham gia phiên hòa giải, điều này chứng tỏ anh Đ không tha thiết, mong muốn tìm kiếm biện pháp để cải thiện tình trạng hôn nhân, còn chị H kiên quyết xin ly hôn. Xác minh tại địa phương, cung cấp của gia đình anh Đ thể hiện anh chị có mâu thuẫn và không chung sống nhiều năm nay, mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị H, anh Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị H, anh Đ ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. *Về quan hệ con chung:* Vợ chồng chị H, anh Đ có 01 con chung là Phạm Đức M, sinh ngày 06/03/2010. Hiện con đang ở với anh Đ và gia đình anh Đ. Khi ly hôn, chị H có quan điểm giao con cho anh Đ nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu Minh; anh Đ, gia đình anh Đ nhất trí để anh tiếp tục nuôi dưỡng con chung. HĐXX nhận thấy cháu Minh đang ở cùng anh Đ, cháu trên 7 tuổi có nguyện vọng tiếp tục được ở với bố. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con, cần giao con Phạm Đức M, sinh ngày 06/03/2010 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của chị H là 1.000.000đ.

[4]. *Về tài sản, công sức, nợ chung, công sức đóng góp gia đình hai bên:* Chị

H, anh Đ đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy HĐXX không xem xét.

[5]. *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Phạm Đức Đ.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Phạm Đức M, sinh ngày 06/03/2010 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 03/2024 đến khi con 18 tuổi. Chị H cấp dưỡng tiền nuôi con cho anh Đ là 1.000.000đ/tháng kể từ tháng 03/2024 cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi.

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án khoản tiền trên mà người phải thi hành án chậm thi hành thì phải trả lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được xác định theo khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/23 số 0000946 ngày 24/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Chị H còn phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hằng

